

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC

ngày 15/1/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin
trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng tổ chức niêm yết

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Năm báo cáo : 2009

I/ Lịch sử hoạt động của Công ty :

1. Những sự kiện quan trọng :

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thành lập theo quyết định số 981/QĐ-UB ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Khi thành lập Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bô - Di linh (Công ty cổ phần Hiệp Thành hiện nay) và Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh VLXD Đức Trọng và 03 phân xưởng SX đá xây dựng. Nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng, tổng số lao động có 123 người - trong đó có 06 lao động có trình độ đại học và 11 lao động có trình độ trung cấp.

Tháng 12/1999 Công ty thực hiện cổ phần hoá Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bô - Di linh thành Công ty cổ phần Hiệp Thành - vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ.

Tháng 11/2002, Trung tâm Giới thiệu và Kinh doanh VLXD được tách ra thành lập Công ty cổ phần Hiệp Phú - vốn điều lệ 03 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 35% vốn điều lệ.

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 35/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 17/3/2003 và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 - vốn điều lệ 10 tỷ đồng, đến quý IV/2004 tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng. Ngày 20/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM). Năm 2007 Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41.355.560.000 đ .

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 thay đổi lần 4 ngày 18/06/2007 đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng với vốn điều lệ là 41.391.600.000 đồng. Thay đổi lần 5 ngày 22/04/2009 tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng .

2. Quá trình phát triển :

Qua nhiều năm hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân 20% năm, tổng tài sản trên 100 tỷ đồng. Đội ngũ lao động có năng lực và tâm huyết với công việc, với sự phát triển của Công ty. Tổng số lao động hiện có 493 người, trong đó đại học là 80 người , có trình độ trung cấp 45 người và trên 300 công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo.

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất nhập khẩu. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt . San lấp mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà. Vận chuyển hàng hóa. Trồng rừng .

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu:

Xây dựng Công ty phát triển bền vững và ổn định. Phân đầu tốc độ tăng trưởng về doanh thu công nghiệp bình quân 10%/năm, mức cổ tức phải đạt trên 12%/năm trong năm 2010 và từ 17% /năm trở lên cho các năm tiếp theo. Nâng cao khả năng tự tích lũy của công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ngày 20/05/2009 Công ty đã báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng 4.3644.400 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng. Để phù hợp với tình hình mới, Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh một cách linh hoạt và vận dụng các kiến thức mới

+ Ưu tiên đầu tư cho công tác thị trường, trong đó: xác định độ lớn thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm theo yêu cầu của thị trường hiện hữu, tích cực tìm kiếm thị trường tiềm năng nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và phục vụ tốt cho việc hoạch định chiến lược đầu tư phát triển (đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, đầu tư mới);

+ Thực hiện quảng bá thương hiệu, các hoạt động xúc tiến thương mại: Với mục tiêu quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng, Công ty tích cực thực hiện việc quảng cáo, tham gia các hội chợ chuyên ngành trong nước, trong khu vực, tham dự các giải thưởng về chất lượng sản phẩm, chất lượng quản lý, phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hoá đồng thời duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 .

- Tập trung đầu tư chiều sâu cho các Xí nghiệp có lợi thế về công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường nhằm tạo năng lực sản xuất mới, tăng sản lượng sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và đem lại hiệu quả cao. Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất các Xí nghiệp hiện hữu trên cơ sở tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhằm tăng doanh thu công nghiệp . Trong năm 2009 Công ty đã quyết toán các dự án đã đầu tư :

+ Đầu tư Mở rộng Nhà máy Gạch ngói tụy nen Thanh Mỹ nâng công suất lên 40 triệu viên gạch/năm với giá trị quyết toán : 11,684 tỷ đồng;

+ Đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu dây chuyền sản xuất cao lanh tại Xí nghiệp Hiệp Tiến nâng công suất lên 15.000 tấn/năm với giá trị quyết toán : 20,138 tỷ đồng.

+ Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy sứ Hiệp An nâng công suất lên 8.000 tấn/năm, giá trị quyết toán 46 tỷ đồng .

- Đầu tư tìm kiếm các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ cho kế hoạch phát triển sản phẩm mới, kể cả việc hình thành các nhà máy mới.

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các loại sản phẩm mới như: sứ dùng cho hoá chất, cho công nghệ đúc và các lĩnh vực khác.

- Đầu tư các chương trình và phần mềm quản lý theo từng hệ hoặc một số phân hệ cần thiết trước nhằm tăng hiệu quả trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính và các biện pháp quản trị trong hoạt động chứng khoán của Công ty.

- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: có chính sách thu hút ~~đ~~ngộ lao động, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc (đầu tư thêm các thiết bị, công cụ làm việc hiện đại, tính tự động hoá cao...) nhằm hỗ trợ công việc đạt hiệu quả; phân phối lương, thưởng, thu nhập phù hợp đảm bảo kích thích sự sáng tạo và cải tiến trong công việc. Trong xu thế ngày càng cạnh tranh về nguồn nhân lực - đặc biệt là lao động có năng lực và lao động có tay nghề cao - ngoài chính sách đãi ngộ và thu hút Công ty sẽ đầu tư nhiều hơn cho công tác đào tạo trong đó chú trọng nguồn nhân lực trẻ.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (tình hình tài chính, lợi nhuận của Cty tại thời điểm cuối năm 2009 – Báo cáo hợp nhất) :

- Tổng DT thực hiện 152,187 tỷ đồng, tăng 16,03 % so với năm trước (Doanh thu năm 2008 131,370 tỷ). Trong đó: Doanh thu công nghiệp là 147,267 tỷ (Chiếm tỷ trọng 98%/tổng doanh thu). Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 877,156 USD tăng 12,15 % so với năm 2008 .

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 12,348 tỷ đồng. Trong đó : Từ SXKD 11,209 tỷ , từ đầu tư tài chính 1,298 tỷ. Năm 2009 thuế TNDN được miễn và bổ sung quỹ Đầu tư phát triển là 405 triệu đồng.

- Thu nộp ngân sách: 9,375 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty : 115,609 tỷ đồng, tăng 97,1 % so với năm trước;
Bao gồm :

* Vốn cổ đông : 85 tỷ đồng.

* Thặng dư vốn cổ phần : 21,378 tỷ đồng.

* Các quỹ của Công ty : 9,230 tỷ đồng.

- Các khoản nợ phải thu cuối kỳ : 25,001 tỷ, giảm 62,48 % so với năm trước do thanh toán cho các dự án đã hoàn thành .

- Các khoản nợ phải trả cuối kỳ : 44,144 tỷ, giảm 10,47 % so với năm trước (không phát sinh nợ phải trả quá hạn) phần lớn vay vốn lưu động và ứng cho các dự án chưa kết chuyển tài sản .

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận chủ yếu so với kế hoạch :

ĐVT: 1000 đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%THỰC HIỆN
- Doanh thu	151,890,000	152,028,979	100,09
Trong đó : Xuất khẩu	1.500 USD	782,112 USD	52,14
- Tổng chi phí	140.000	139.680	97,18
Trong đó: + CP quản lý	16.600.000	15.476,845	93,22
+ KH TSCĐ	11.808.000	12,566,162	106,41
- Lợi nhuận trước thuế	13.560.000	12,348,754	91,06
- Nộp ngân sách	8.309.000	9,230,000	108,9
- Thu nhập người lao động	3.000/tháng	3.112/tháng	123,6
- Thu nhập ròng / Cổ phiếu	1,500	1,647	109,7
- Cổ tức / Cổ phiếu	1,2	1,2	100

Cổ tức trên cổ phiếu đạt 7%/8.350.000 CP (theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009 là 12%/4.135.560 CP). Thực tế đạt 14,38%/4.135.560 CP = 7% /8.350.000CP

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, Sản phẩm và thị trường mới ...):

Nhìn chung, năm 2009 Công ty đã có sự thay đổi lớn, đột phá về chương trình đầu tư phát triển, về chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm mới và công tác thị trường. Công Ty đã mạnh dạn đầu tư mở rộng các dự án mới bằng nguồn phát hành và tài trợ khác lên đến hơn 100 tỷ đồng Hoạt động SXKD hiện tại của Công ty chủ yếu dựa vào năng lực hiện có tại các Xí nghiệp thành viên.

Trong năm 2009 tổng doanh thu công nghiệp toàn Công ty đã tăng đáng kể. Công ty đã xây dựng hoàn chỉnh và vận hành theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, tham gia các

chương trình hội chợ và đạt được các giải thưởng: Cúp vàng thương hiệu Ngành xây dựng, Huy chương vàng sản phẩm cao lanh HTK -8050, DQK-C10, Giải thưởng Cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” năm 2008, Cúp vàng sản phẩm/ dịch vụ uy tín Hội nhập WTO.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu chiến lược...):

- Tập trung triển khai các dự án đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu tại các Xí nghiệp thành viên nhằm từng bước tăng quy mô hoạt động SXKD, đa dạng hoá các chủng loại sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng năng lực cạnh tranh... của Công ty. Phân đầu đưa doanh thu sản xuất công nghiệp tăng trên 1,5 lần trong năm 2010 và đến năm 2011 tăng trên 2 lần so với hiện nay.

- Các dự án đầu tư trong năm 2009-2010 tập trung vào các lĩnh vực : Đầu tư chiều sâu sản xuất sản phẩm cao lanh cho ngành sơn ; đầu tư tăng công suất sản phẩm sứ chịu nhiệt và đa dạng hoá sản phẩm chịu nhiệt phục vụ các ngành đúc thép, công nghiệp hoá chất, lọc dầu, tàu thủy, xây dựng ; đầu tư mở rộng cho sản phẩm gạch xây dựng, đá xây dựng, bê tông tươi, đầu tư mở rộng vùng mỏ nguyên liệu, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác...

- Sau đầu tư giai đoạn 2009-2010 sản phẩm của Công ty đã được đa dạng hóa về chủng loại và số lượng, Công Ty đã tập trung thâm nhập và phát triển thị trường trong nước về lĩnh vực sử dụng: công nghiệp sơn, hoá chất, lọc dầu, phân bón và phát triển thị trường xuất khẩu ngoài Hàn Quốc, Nhật sẽ hướng đến một số nước khác trong khu vực châu Á, Âu, Mỹ. Giai đoạn tiếp theo đến 2010, định hướng của Công ty là tiếp tục đầu tư mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất, mở rộng ngành nghề và lĩnh vực sản xuất nhằm chiếm lĩnh và ổn định thị trường hạn chế tối đa rủi ro, bảo đảm cho Công ty phát triển ổn định bền vững trong thời kỳ hội nhập.

5. Đầu tư phát triển sản xuất

Mở rộng vùng nguyên liệu :

Để đảm bảo trữ lượng nguyên liệu cho hoạt động sản xuất lâu dài và ổn định, ngoài diện tích mỏ đã được cấp phép trước đây trong năm 2008 và năm 2009 Công ty đã mở rộng thêm các vùng mỏ sau :

- Giấy phép số 89/GP-UBND ngày 13/10/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Cho phép Công ty được khai thác đá mỏ Cam Ly, Đà Lạt

+ Diện tích : 9,24ha với trữ lượng : 2.053.000m³.

+ Thời hạn khai thác: 20 năm (kể từ ngày cấp phép)

- Giấy phép số 65/GP-UBND ngày 30/5/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Cho phép Công ty được khai thác sét mỏ Tu-Tra - Đơn Dương .

+ Diện tích : 3,45ha với trữ lượng : 76.250m³.

+ Thời hạn khai thác: 03 năm (kể từ ngày cấp phép)

- Giấy phép của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Cho phép Công ty được khai thác sét mỏ Đá Nthol Hạ – Đức Trọng .

+ Diện tích : 6,75ha với trữ lượng : 200.000 m³.

+ Thời hạn khai thác: 03 năm (kể từ ngày cấp phép)

- Giấy phép số 03/GP-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Cho phép Công ty được khai thác sét trầm tích tại mỏ Lộc Tân, Huyện Bảo Lâm .

+ Diện tích : 7,46ha với trữ lượng : 150.000 m³.

+ Thời hạn khai thác: 03 năm (kể từ ngày cấp phép)

Đầu tư mở rộng sản xuất :

Trong năm qua Công ty đã triển khai đầu tư và quyết toán 03 dự án :

-Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sứ Hiệp An :

+Khởi công xây dựng tháng 3/2008 và hoàn thành vào tháng 02/2009.

+Công suất : 7.750 tấn ống sứ và VLCL/năm

+Vốn đầu tư : 46 tỷ đồng.

-Dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông – XN Bê-tông Hiệp Lực :

- +Triển khai đầu tư tháng 7/2008.
- +Công suất :50.000m³/năm
- +Vốn đầu tư : 14,951 tỷ đồng.
- Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến cao lanh Trại Mát :
 - + Triển khai đầu tư tháng 2/2009.
 - +Công suất :30.000 tấn/năm
 - +Vốn đầu tư : 7,27 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG :

Năm 2009 có nhiều khó khăn, sự biến động giá cả do tình hình lạm phát trong những tháng đầu năm và tình hình giảm phát của 06 tháng cuối năm đã tác động lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm của Công Ty , tuy nhiên việc hỗ trợ lãi suất vay tín dụng của ngân hàng & các hỗ trợ khác đã tạo điều kiện để đơn vị thực hiện được kết quả theo kế hoạch đ xy dựng. Đồng thời kết quả việc phát hành cổ phiếu cũng đã tạo đủ nguồn vốn để thực hiện kịp thời các dự án đầu tư của Công ty.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành đã triển khai nhiều biện pháp như đẩy nhanh tiến độ đầu tư, rà soát giảm chi phí sản xuất, giảm giá bán để đẩy mạnh tiêu thụ, hạn chế nợ phải thu ...từ đó đã tạo điều kiện để thực hiện và đã hoàn thành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra .

Những tồn tại :

- Công tác xây dựng , ban hành các định mức kinh tế – kỹ thuật chậm và chưa sát thực tế nên trở ngại trong việc kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất .
- Thực hiện quy trình thủ tục của Hệ thống quản lý chất lượng ở một vài bộ phận chưa nghiêm túc, còn đối phó, chưa xem đây là công cụ để kiểm soát các hoạt động của đơn vị, tiết kiệm chi phí trong sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ...
- Công tác đầu tư các dự án trong năm 2009 : Tiến độ thi công của một số dự án đầu tư chậm trễ nên quyết toán vốn đầu tư và đưa dự án vào hoạt động chậm đã ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.
- Việc rà soát và tinh giảm bộ máy quản lý thực hiện chưa thật triệt để .
- Một số cán bộ quản lý thiếu tính năng động và quyết định không kịp thời trong công tác quản lý, điều hành. Công tác xây dựng kế hoạch SX-KD, chiến lược thị trường chậm và chưa khoa học .
- Công tác quản trị tài chính còn yếu, chưa hoạch định một chiến lược cụ thể nên triển khai thực hiện các biện pháp về tài chính còn lúng túng và tiềm ẩn rủi ro.

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị Công ty ban hành theo Quyết định số 156/2007/QĐ-HĐQT ngày 17/12/2007. Mọi thành viên trong hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công để chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban giám đốc điều hành theo các mục tiêu chiến lược và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Những vấn đề lớn được Hội đồng quản trị quyết định trong năm 2009 :

- + Quyết định phê duyệt 03 dự án đầu tư :
 - Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sứ Hiệp An
 - Dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông – Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực
 - Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến cao lanh Trại Mát
- + Quyết định chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ : 85 tỷ đồng đ.
- + Quyết định ban hành Quy chế người đại diện phần vốn của Công ty LBM tại các đơn vị thành viên .

+ Quyết định kế hoạch SXKD năm 2009:

- Doanh thu : 151 tỷ (Cty mẹ : 120 tỷ đồng , Cty con 31,890 tỷ)
- Lợi nhuận : 13,560 tỷ đồng (Cty mẹ 10 tỷ , Cty con 3,560 tỷ)
- + Bổ sung ngành nghề trồng rừng

6. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý :

Đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và một thành viên HĐQT là Phó Tổng Giám đốc nên việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị luôn được thấu đáo và triệt để. Những vấn đề phát sinh trong công tác điều hành nhưng thuộc thẩm quyền của HĐQT thì được trao đổi và xin ý kiến bằng văn bản. Do đó, việc điều hành các hoạt động đúng định hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Đối với cán bộ quản lý:

Các nghị quyết của HĐQT đều được thông báo và chỉ đạo đến các Trưởng phòng nghiệp vụ, các Giám đốc Xí nghiệp. Cán bộ quản lý được mời tham dự các cuộc họp HĐQT khi có liên quan về công tác nghiệp vụ .

Việc chỉ đạo và giám sát trực tiếp các cán bộ quản lý được phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm trong Công ty. Trong năm qua các cán bộ quản lý của công ty thể hiện được trách nhiệm vai trò quản lý và cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Chương trình hành động năm 2010 :

7.1 Tổ chức – Nhân sự :

- Thực hiện rà soát để hoàn thiện và tối ưu mô hình tổ chức của công ty, đảm bảo bộ máy tinh gọn và tăng tính hiệu quả của hệ thống quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Rà soát lao động quản lý, kỹ thuật, công nghệ để xem xét việc điều chuyển nội bộ, kiêm nhiệm, tuyển dụng... đáp ứng yêu cầu mục tiêu.
- Rà soát lại các bộ phận sản xuất để sắp xếp lại lao động nhằm tăng năng suất, cắt giảm từ 3 đến 5 % lao động trực tiếp.
- Tập trung triển khai thực hiện việc rà soát định mức lao động, tiền lương cho các xí nghiệp trực thuộc nhằm tiết kiệm chi phí tiền lương. Xây dựng đơn giá tiền lương năm 2010 không cao hơn năm 2009.

7.2 Về sản xuất kinh doanh:

- Khẩn trương hoàn thành phần dờ dang của các hạng mục trong các dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt để sớm đưa vào vận hành sản xuất. Quyết toán các dự án đầu tư đã hoàn thành.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả sau đầu tư của các dự án và xem xét, đề xuất kế hoạch đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp có lợi thế về kỹ thuật, công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường nhằm tạo ra sản phẩm mới, đa dạng hoá sản phẩm, ổn định và tăng chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho doanh nghiệp.
- Trước mắt đầu tư chiều sâu và đầu tư đa dạng hoá sản phẩm cho các dự án sau:
 - + Dự án Đa dạng hoá sản phẩm sau nung – Xí nghiệp Hiệp An:
Đầu tư thiết bị tạo hình để sản xuất các sản phẩm dĩa hình sau nung như: sứ đúc rót kim loại, sứ dùng trong công nghiệp hoá chất, tấm lót hàn, gạch cao nhôm, gạch xốp...

Dự kiến vốn đầu tư 9 tỷ đồng.

- + Dự án đầu tư chiều sâu cho xí nghiệp Hiệp Tiến:

Đầu tư bổ sung hai hệ máy ép , hệ máy khử từ và hệ máy đóng bao cao lanh siêu mịn để sản xuất cao lanh đạt chất lượng cao dùng cho ngành sơn thay thế hàng nhập khẩu và tiến đến xuất khẩu.

- + Hoàn chỉnh dây chuyền công nghệ của các dự án đã đầu tư để phát huy tối đa công suất đáp ứng yêu cầu của thị trường, đảm bảo nâng cao hiệu quả của các dự án đã đầu tư.

+ Hình thành bộ phận chuyên nghiên cứu sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, các sản phẩm khách hàng yêu cầu và đặt hàng,... nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hoá sản phẩm trong sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường công tác thâm nhập, phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu. Tập trung thâm nhập, phát triển thị trường cho sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng cao (cao lanh nghiền siêu mịn, cao lanh cho sơn, gạch chịu lửa dị hình các loại, sứ dị hình, gạch gốm trang trí...). Vận dụng linh hoạt chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng để phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ.

7.3 Về tài chính:

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ định kỳ và kiểm toán tài chính hàng quý để công bố thông tin và minh bạch tài chính theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2010.
- Đảm bảo khả năng thanh toán đến hạn, hạn chế tối đa nợ quá hạn và không phát sinh nợ xấu.
- Nghiên cứu và hoàn chỉnh các hồ sơ để vay vốn với lãi suất ưu đãi theo chính sách kích cầu của Nhà nước.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ số tài chính :

- Khả năng thanh toán hiện thời (1,63 lần).
- Khả năng thanh toán nhanh đạt (1,61 lần).
- Khả năng sinh lợi: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu 8,21 % (đạt tương đối so với trung bình ngành (6,42 %)).
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2009 là : 85 tỷ đồng .

- + Tổng số cổ phiếu theo từng loại : 8,5 triệu Cổ phiếu phổ thông .
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 8.350.000 cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu Quỹ : 150.000 cổ phiếu
- + Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : 7 %

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2009

Doanh thu toàn Công ty 152.187.584.632 đồng đạt 100,09 %/ KH năm và tăng 115,84 % so với năm 2008 . Doanh thu Công nghiệp tăng 112 % so với năm 2008. Kim ngạch xuất khẩu đạt 58,48 % KH năm 2009 và vượt 112,15 % so với năm 2008 . Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty: 12.348.754.134 đồng đạt 91,06 % KH năm và tăng 115 % so với năm 2008. Nộp ngân sách nhà nước vượt 108,95% KH năm và tăng 111,8% so với năm 2008 . Cổ tức đạt 7 %/năm (NQ ĐHCĐ năm 2009 là 12%/41,355 tỷ , đến thời điểm quý III /2009 Ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng) . Năm 2009 doanh thu công nghiệp tăng 112 % so với cùng kỳ năm trước đã thể hiện mức tăng trưởng cao về sản xuất sau đầu tư, kim ngạch xuất khẩu tăng 112,15 % so với năm 2008 chứng tỏ giá trị sản phẩm của Công ty đang từng bước được nâng lên, thị trường đang từng bước được mở rộng và tăng trưởng. Mặc dù hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng so với năm 2008 nhưng kết quả trên chưa tương xứng với tiềm năng của Công ty do những tồn tại và hạn chế sau:

+ Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nên việc tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu (chủ yếu xuất sang thị trường Hàn Quốc) bị hạn chế nhiều so với năng lực sản xuất và kế hoạch đầu tư.

+ Sản phẩm cao lanh Hiệp Tiến sau khi đã qua tinh lọc có giá trị cao gấp 5 lần cao lanh thô, chất lượng sản phẩm cạnh tranh được với hàng nhập khẩu, giá cả được các nhà sản xuất có

uy tín trong và ngoài nước chấp nhận, tuy nhiên do thiết bị máy móc đầu tư chưa đồng bộ, nhất là hệ thống đóng bao chưa khắc phục kịp thời nên sản phẩm tiêu thụ chưa nhiều.

+ Các dự án còn trong giai đoạn đầu tư nên chưa phát huy hết hiệu quả.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:*

- Phân công chỉ đạo và điều hành theo nghiệp vụ chuyên môn.
- Phân định công tác nghiệp vụ và công tác quản trị.
- Bổ nhiệm và thay đổi các chức danh cho phù hợp với mô hình Công ty .

**Những cải tiến về chính sách, quản lý:*

- Áp dụng quy chế tiền lương, thưởng tiên tiến; thực hiện thưởng từng quý cho những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ ; thưởng đột xuất cho những cá nhân có những sáng kiến, cải tiến trong kỹ thuật, quản lý ... mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.
- Quản lý theo kế hoạch; theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành và thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức trong thời gian 06 tháng, 01 năm.
- Phân định trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc nghiệp vụ, Giám đốc Xí nghiệp .

**Các biện pháp kiểm soát các hoạt động của Công ty:*

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, quý.
- Báo cáo của các Giám đốc, Phòng nghiệp vụ .
- Báo cáo nhanh hàng tuần.
- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ.
- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến tại Bảo Lộc - Lâm Đồng, tạo sản phẩm cao lanh chất lượng cao cung ứng cho các lĩnh vực: men, xương sứ cao cấp, sơn, giấy nhám thay thế cao lanh nhập khẩu và tiến đến xuất khẩu.
- Đầu tư phát triển các sản phẩm mới tại nhà máy sản xuất gạch tuynen Thanh Mỹ tại Đơn Dương - Lâm Đồng .
- Đầu tư chiều sâu cho hai mỏ đá N'hol Hạ 2 tại địa bàn Huyện Đức Trọng và mỏ đá Cam Ly tại Tp.Đà Lạt. Đưa công suất trong lĩnh vực sản xuất đá tăng gấp đôi so với hiện nay. Đưa vào vận hành hệ nghiền sàng Đá thành sản phẩm Cát tại XN Đá Cát
- Đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm vật liệu chịu lửa dị hình tại Xí nghiệp Hiệp An - huyện Đức Trọng.
- Đầu tư thiết bị, chương trình quản lý, dụng cụ thí nghiệm kỹ thuật tiên tiến.
- Tiếp tục đầu tư cho công tác mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

Mặt khác, để bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc mở rộng và phát triển sản xuất lâu dài, Công ty sẽ đầu tư mở rộng vùng mỏ nguyên liệu mới với diện tích khoảng 40ha bao gồm: mỏ cao lanh tại Bảo Lộc, mỏ cao lanh tại Đà Lạt mỏ Bentonite tại Di Linh, mỏ sét gạch ngói tại Đơn Dương , mỏ Đá mới để thay thế cho mỏ đá Định An. Ngoài ra, Công ty cũng sẵn sàng tiếp nhận hoặc đầu tư ngay các dự án có cơ hội phát triển và mang lại hiệu quả cao, đặc biệt là các dự án sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.

Trong năm 2009 và năm 2010 nhiều dự án đã và sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng nên việc phát triển thị trường là vấn đề trọng yếu. Việc tìm biện pháp đẩy mạnh thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm là mục tiêu hàng đầu trong giai đoạn hiện nay.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm: Báo cáo tài chính riêng năm 2009 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

Các báo cáo tài chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

(Xem Phụ lục số 1)

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)

- Số: 0062/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2010, từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2010

(Đã ký)

VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

(Đã ký)

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành 58.48% (7,368,700,000 /12,600,000,000đ)

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : Đầu tư vốn vào Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành (Công Ty con) 58,48 % và Công Ty Cổ Phần Hiệp Phú (Công Ty liên kết 35% (1,050,000,000 đ / 3,000,000,000 đ)

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CÔNG TY CON:

Mẫu CBTT-03 (sửa đổi)

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó - huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	20,527,911,286	19,134,659,572
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		2,736,015,375	8,190,336,107
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		8,752,895,825	5,798,385,261
4	Hàng tồn kho		8,937,270,542	4,696,905,388
5	Tài sản ngắn hạn khác		101,729,544	449,032,816
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	3,808,139,572	5,248,470,601
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		3,758,392,625	5,248,470,601
	- Tài sản cố định hữu hình		3,541,911,941	5,174,431,251
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		216,480,684	74,039,350
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
5	Tài sản dài hạn khác		49,746,947	-
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	24,336,050,858	24,383,130,173

IV	Nợ phải trả	Đồng	6,838,372,383	5,610,501,298
1	Nợ ngắn hạn		5,080,681,117	5,537,339,211
2	Nợ dài hạn		1,757,691,266	73,162,087
V	Vốn chủ sở hữu	Đồng	17,497,678,475	18,772,628,875
1	Vốn chủ sở hữu		16,788,133,127	17,914,041,979
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12,600,000,000	12,600,000,000
	- Quỹ đầu tư phát triển		3,507,896,990	4,558,041,979
	- Quỹ dự phòng tài chính		680,236,137	756,000,000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		709,545,348	858,586,896
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		709,545,348	858,586,896
	- Nguồn kinh phí		-	-
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	24,336,050,858	24,383,130,173

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Lũy kế đến cuối quý này
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	36,840,307,149	36,840,307,149
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36,840,307,149	36,840,307,149
4	Giá vốn hàng bán		29,451,732,497	29,451,732,497
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7,388,574,652	7,388,574,652
6	Doanh thu hoạt động tài chính		235,368,094	235,368,094
7	Chi phí tài chính		92,972,201	92,972,201
8	Chi phí bán hàng		636,888,839	636,888,839
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,445,519,534	2,445,519,534
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		4,448,562,172	4,448,562,172
11	Thu nhập khác		94,760,711	94,760,711

12	Chi phí khác		23,780,283	23,780,283
13	Lợi nhuận khác		70,980,428	70,980,428
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4,519,542,600	4,519,542,600
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)		351,849,112	351,849,112
	<i>Chi phí Thuế TNDN hiện hành</i>		<i>351,849,112</i>	<i>351,849,112</i>
	<i>Chi phí Thuế TNDN hoãn lại</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN		4,167,693,488	4,167,693,488
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3,308	3,308
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CÔNG TY LIÊN KẾT:

Mẫu CBTT-03 (sửa đổi)

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ

191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	3,134,946,459	4,988,705,797
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		310,656,709	405,250,677
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		2,183,784,245	2,000,248,934
4	Hàng tồn kho		523,679,661	2,436,014,045
5	Tài sản ngắn hạn khác		116,825,844	147,192,141
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	2,886,740,722	2,779,404,856
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		2,886,740,722	2,779,404,856
	- Tài sản cố định hữu hình		2,886,740,722	2,779,404,856
	- Tài sản cố định vô hình		-	-

3	Bất động sản đầu tư		-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
5	Tài sản dài hạn khác		-	-
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	6,021,687,181	7,768,110,653
IV	Nợ phải trả	Đồng	2,869,869,692	4,195,291,085
1	Nợ ngắn hạn		1,436,409,719	3,410,918,092
2	Nợ dài hạn		1,433,459,973	784,372,993
V	Vốn chủ sở hữu	Đồng	3,151,817,489	3,572,819,568
1	Vốn chủ sở hữu		3,147,747,447	3,549,930,805
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2,978,000,000	3,000,000,000
	- Quỹ đầu tư phát triển		-	27,192,357
	- Quỹ dự phòng tài chính		2,714,997	26,022,733
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		167,032,450	496,715,715
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		4,070,042	22,888,763
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		4,070,042	22,888,763
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	6,021,687,181	7,768,110,653

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	8,219,644,878	8,219,644,878
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8,219,644,878	8,219,644,878
4	Giá vốn hàng bán		4,819,559,215	4,819,559,215
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3,400,085,663	3,400,085,663
6	Doanh thu hoạt động tài chính		63,771,607	63,771,607
7	Chi phí tài chính		172,339,665	172,339,665
8	Chi phí bán hàng		1,567,522,931	1,567,522,931

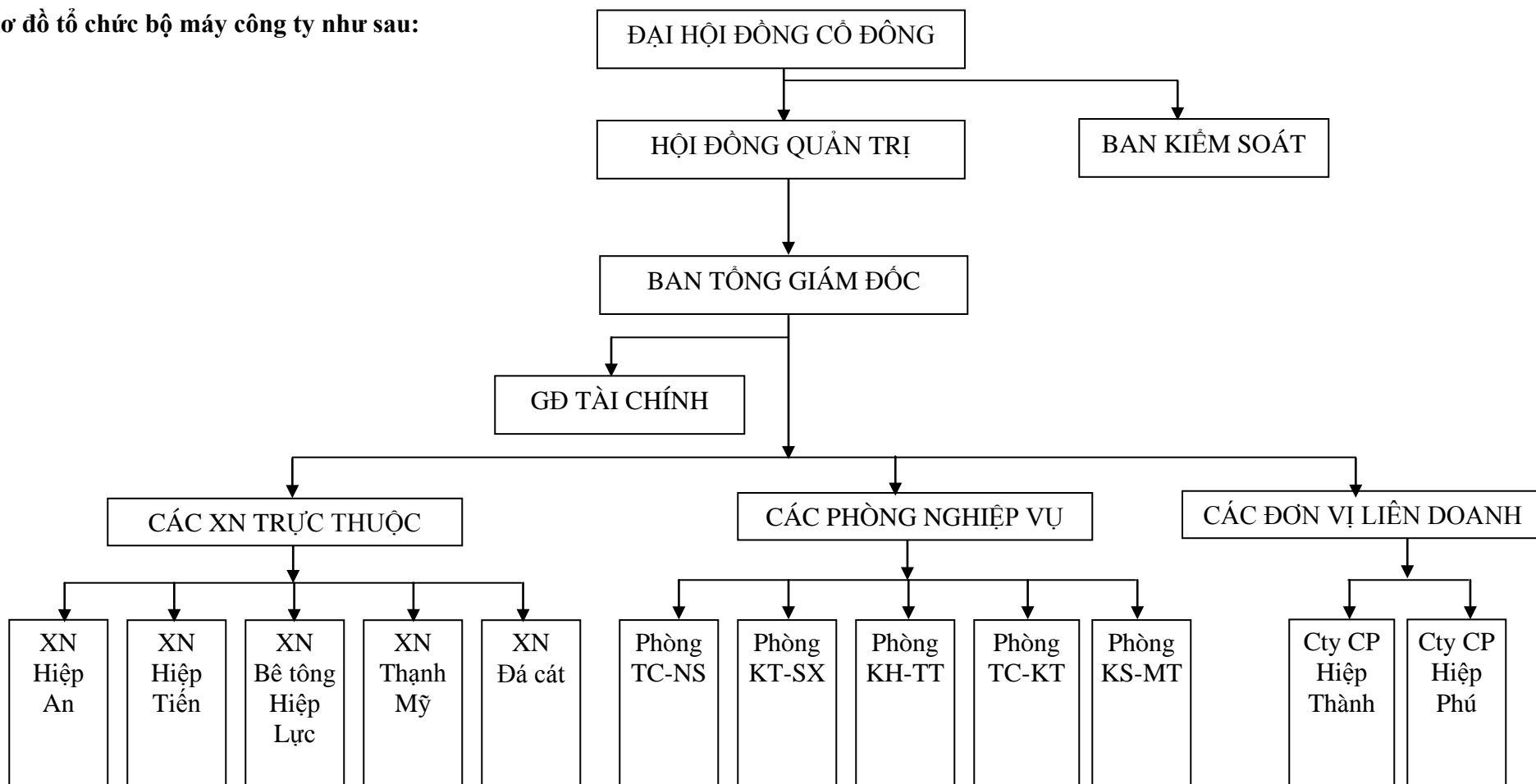
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		974,776,587	974,776,587
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		749,218,087	749,218,087
11	Thu nhập khác		12,420,000	12,420,000
12	Chi phí khác		94,103,887	94,103,887
13	Lợi nhuận khác		(81,683,887)	(81,683,887)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		667,534,200	667,534,200
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		116,818,485	116,818,485
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		550,715,715	550,715,715
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1,836	1,836
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

Đầu tư vào Công ty con lợi nhuận được chia 18 % vốn hàng năm. Công Ty liên kết 14 %/ vốn hàng năm.

VII/ Tổ chức và nhân sự :

1. Cơ cấu tổ chức:

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty như sau:



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng Giám đốc :

1. Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên Lương Hùng Minh
2. Giới tính Nam
3. Ngày tháng năm sinh 02/05/1954
4. Nơi sinh Điện Bàn – Quảng Nam
5. Quốc tịch Việt Nam
6. Chứng minh nhân dân số : 250212362
7. Dân tộc Kinh
8. Quê quán Điện Bàn – Quảng Nam
9. Địa chỉ thường trú 242 A1 Phan Đình Phùng – Đà Lạt – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.554056
11. Trình độ văn hoá 10/10
12. Trình độ chuyên môn Kỹ sư Công nghệ Vật liệu Xây dựng
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ năm 1981-1984: Nhân viên Kỹ thuật – Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng.
 - Từ năm 1984-1986: Phó Giám đốc Xí nghiệp Gạch Ngói Số I thuộc Sở Xây dựng Lâm Đồng.
 - Từ năm 1989-1991: Trưởng phòng Kỹ Thuật – Kế Hoạch – Vật Tư thuộc Xí nghiệp Liên Hiệp Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
 - Từ năm 1991-1993: Giám đốc Xí nghiệp Đá Cát, Phó Giám đốc Xí Nghiệp Liên Hiệp Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
 - Từ năm 1993-1995: Giám đốc Xí nghiệp Đá Cát, Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh và Phát triển Nhà Lâm Đồng.
 - Từ năm 1995 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

2. Phó Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên Võ Xuân Sơn
2. Giới tính Nam
3. Ngày tháng năm sinh 19/04/1957
4. Nơi sinh Hải Châu – Đà Nẵng
5. Quốc tịch Việt Nam
6. Dân tộc Kinh
7. Chứng minh nhân dân số 200187306
8. Quê quán Hải Châu – Đà Nẵng
9. Địa chỉ thường trú Hiệp Thạnh – Đức Trọng – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan 063.554070
11. Trình độ văn hoá 12/12
12. Trình độ chuyên môn Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 01/1981: Nhân viên Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1987: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1990: Giám đốc Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2001 : Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2003 đến nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng - Thành viên Hội đồng quản trị.

Ban Tổng Giám đốc được trả lương theo quy định trả lương do Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Khi điều hành Công ty hoàn thành tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra thì được thưởng tùy theo mức độ thực hiện.

VIII/ Thông tin cổ đông :

1. Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát :

Hội đồng quản trị : có 07 thành viên

Cơ cấu như sau: 01 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty ; 01 Phó chủ tịch HĐQT và 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.

Hiện nay có 03 thành viên tham gia điều hành, 04 thành viên không tham gia điều hành Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao 1.000.000đ/người/ tháng.

Các thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ 4,99 % cổ phần Công ty, mỗi thành viên được chuyển nhượng không quá 50% số cổ phần nắm giữ. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên phải được báo cáo tại phiên họp thường kỳ gần nhất.

Các thành viên HĐQT đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và đào tạo về quản trị Công ty.

Ban kiểm soát: có 05 thành viên

Cơ cấu như sau : 01 Trưởng Ban kiểm soát và 04 thành viên. Hiện nay có 02 thành viên đang công tác tại Công ty, 03 thành viên làm việc ngoài Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao 500.000đ/người/ tháng.

Các thành viên Ban kiểm soát đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và chuyên sâu.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2009 của Trung tâm lưu ký chứng khoán TP Hồ Chí Minh).

IX. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Đơn vị tính : 1.000 đ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng số vốn chủ sở hữu	83,551,700	98,29	1,448,300	1,71	85,000,000	100
A. Cổ đông chưa lưu ký	326,640	0,38				0,38
1. Cổ đông nhà nước						
2. Cổ đông đặc biệt						
-Cổ đông HĐQT	77,740	0,09			77,740	0,09
- Ban kiểm soát						
- Kế Toán trưởng						
3. Cổ đông cá nhân	248,900	0,29			248,900	0,29
4. Cổ đông tổ chức						
B. Cổ đông đã lưu ký	83,225,060	97,91	1,448,300	1,71		99,62
1. Cổ đông nhà nước	10				10	
2. Cổ đông đặc biệt						
- Cổ đông HĐQT	3,317,590	3,9			3,317,590	3,9
- Ban kiểm soát	113,260	0,13			113,260	0,13
- Kế Toán trưởng	218,000	0,26			218,000	0,26
3. Cổ đông cá nhân	59,634,820	70,16	1,197,300	1,41	60,832,120	71,57
4. Cổ đông tổ chức	18,441,380	21,7	251,000	0,3	1,869,238	22,00
5. Cổ phiếu Quỹ	1,500,000	1,76			1,500,000	1,76
6. Cổ đông tự doanh						

CTY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
NĂM 2009
(đính kèm Báo cáo thường niên)